

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 08/02/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thị Hoan

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND huyện L tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 07, 08/02/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2017/TLST- HĐVTS ngày 26/10/2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX - DS ngày 05/01/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Tạ Văn Q sinh năm 1971

Địa chỉ: T1 4A, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Vũ Trí N sinh năm 1972

Bà Lê Thị C sinh năm 1972 (có mặt)

Ông Vũ Trí N do bà Lê Thị C đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017)

Đều địa chỉ: Thôn G, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị Thanh T3 sinh năm 1976

Do ông Tạ Văn Q đại diện theo ủy quyền

Địa chỉ: T1 4A, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/10/2017, tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Tạ Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà

Nguyễn Thị Thanh T3 do ông Q đại diện trình bày: Do mối quan hệ tình cảm ngày 28/10/2011 vợ chồng ông có cho vợ chồng ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C vay số tiền là 100.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Ông N và bà C đều ký xác nhận vào giấy biên nhận vay tiền với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Về thời hạn thanh toán hai bên thỏa thuận nếu vợ chồng ông cần số tiền trên để sử dụng thì báo trước cho vợ chồng bà C 5 hôm thì vợ chồng bà C phải thanh toán trả ông số tiền vay trên. Trong quá trình vay mượn số tiền trên, vợ chồng bà C có trả lãi cho vợ chồng ông được 8 tháng (từ ngày 28/10/2011 đến ngày 28/6/2012), tổng số tiền lãi là 24.000.000đ, số tiền lãi này được trả làm 3-4 lần chứ không phải trả theo lãi hàng tháng. Tiếp đến ngày 22/12/2012 thì vợ chồng bà C có trả được cho vợ chồng ông 50.000.000đ tiền gốc, còn lại 50.000.000đ tiền gốc đến khoảng năm 2015-2016 ông có yêu cầu vợ chồng bà C thanh toán trả vợ chồng ông số tiền gốc còn lại và lãi suất nhiều lần nhưng vợ chồng bà C đều thất hứa không trả vợ chồng ông. Nay ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà C phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền lãi suất của số tiền gốc 100.000.000đ tính từ ngày 29/6/2012 đến ngày 22/12/2012 với mức lãi suất là 1,125%/tháng và yêu cầu vợ chồng bà C trả vợ chồng ông số tiền gốc còn là 50.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 23/12/2012 đến khi xét xử vụ án với mức lãi suất 1,125%/tháng. Còn việc bà C không chấp nhận số tiền lãi 24.000.000đ đã trả cho vợ chồng ông trước đó đề nghị Tòa án tính lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật sau đó trừ vào số tiền lãi, còn bao nhiêu trừ vào tiền gốc, ông không chấp nhận bởi vì số tiền lãi 24.000.000đ của 8 tháng hai bên đã thanh toán xong.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là bà Lê Thị C, ông Vũ Trí N (ông N do bà C đại diện theo ủy quyền) xác nhận một phần lời khai của nguyên đơn và trình bày: Ngày 28/10/2011 vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông Q số tiền là 100.000.000đ, hai bên có lập giấy tờ biên nhận vay tiền và vợ chồng bà có ký xác nhận vào giấy vay tiền, thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn thanh toán thì khi nào vợ chồng ông Q cần số tiền trên thì báo trước vợ chồng bà 5 ngày thì vợ chồng bà sẽ thanh toán trả tiền gốc. Trong quá trình vay mượn đến cuối tháng 06/2012 vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông Q tổng số tiền lãi là 24.000.000đ bằng 8 tháng tiền lãi và đến ngày 22/12/2012 vợ chồng bà trả được cho vợ chồng ông Q 50.000.000đ tiền gốc. Nay vợ chồng ông Q yêu cầu vợ chồng bà trả tiền lãi suất của số tiền gốc là 100.000.000đ tính từ ngày 29/6/2012 đến ngày 22/12/2012 với mức lãi suất là 1,125%/tháng và số tiền gốc còn lại là 50.000.000đ với mức lãi suất từ 1,125%/tháng kể từ 23/12/2012 đến ngày xét xử vụ án, bà không chấp nhận. Nay bà đề nghị Tòa án tính lại mức lãi suất của số tiền gốc 100.000.000đ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 28/10/2011 đến ngày 28/06/2012 (tức 8 tháng tiền lãi) được tổng số tiền lãi bao nhiêu trừ vào số tiền lãi 24.000.000đ mà vợ chồng bà đã trả trước đó cho vợ chồng ông Q, còn bao nhiêu được trừ vào tiền gốc và tiếp tục trừ vào số tiền gốc 50.000.000đ mà vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông Q ngày 22/12/2012, còn gốc bao nhiêu vợ chồng bà chấp nhận trả cho vợ chồng ông Q, còn tiền lãi bà không chấp nhận trả bởi vì hiện tại hoàn cảnh gia đình bà gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến, thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử vụ án và áp dụng các Điều 471; 474; 476; 477 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Tạ Văn Q tổng số tiền gốc và lãi suất là 64.703.750đ (Sáu mươi tư triệu bảy trăm linh ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Án phí: Ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C phải chịu 3.235.100đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Thanh T3 do ông Tạ Văn Q đại diện theo ủy quyền, ông Vũ Trí N do bà Lê Thị C đại diện theo ủy quyền. Ngày 05/01/2018 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt quyết định xét xử cho vợ chồng bà Lê Thị C. Nhưng tại phiên tòa ngày 26/01/2016 vợ chồng bà C vắng mặt. Tại quyết định hoãn phiên tòa ngày 26/01/2018 Tòa án đã ấn định xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 07/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L. Tòa án đã tổng đạt cho vợ chồng bà C, ông Q quyết định hoãn phiên tòa trên. Tại phiên tòa ngày 07/02/2018 các đương sự đều có mặt, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền ngày 28/10/2011 và bản tự khai của các đương sự, vợ chồng ông Q có cho vợ chồng bà C vay số tiền là 100.000.000đ. Các bên đều thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền với lãi suất là 3% và thời hạn thanh toán là khi nào vợ chồng ông Q cần số tiền trên thì báo trước cho vợ chồng bà C 5 ngày thì vợ chồng bà C phải thanh toán trả. Quá trình vợ chồng bà C vay số tiền gốc của vợ chồng ông Q thì đến ngày 28/10/2012 thì vợ chồng bà C có trả cho vợ chồng ông Q được 8 tháng lãi suất với số tiền là 24.000.000đ và đến ngày 22/12/2012 vợ chồng bà C trả cho vợ chồng ông Q được số tiền gốc là 50.000.000đ. Đến khoảng năm 2015-2016, vợ chồng ông Q có yêu cầu vợ chồng bà C trả số tiền gốc và tiền lãi suất nhưng vợ chồng bà C không trả. Nay vợ chồng ông Q đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà C phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền lãi suất của số tiền gốc 100.000.000đ tính từ ngày 29/6/2012 đến ngày 22/12/2012 với mức lãi suất là 1,125%/tháng và yêu cầu vợ chồng bà C trả vợ chồng ông số tiền gốc còn là 50.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 23/12/2012 đến khi xét xử vụ án với mức lãi suất 1,125%/tháng và vợ chồng ông Q không chấp nhận tính lại mức lãi suất của số tiền 24.000.000đ mà vợ chồng bà C đã trả trước

đó cho vợ chồng ông. Phía vợ chồng bà C không chấp nhận theo yêu cầu của vợ chồng ông Q, đề nghị Tòa án tính lại mức lãi suất của số tiền lãi là 24.000.000đ trước đó mà vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông Q bằng 8 tháng lãi (từ ngày 28/10/2011 đến 28/06/2012), được số tiền lãi bao nhiêu trừ vào số tiền lãi là 24.000.000đ mà vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng ông Q, còn bao nhiêu trừ vào số tiền gốc, vợ chồng bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc còn lại, còn lãi suất vợ chồng bà C không chấp nhận trả.

[3] *HĐXX nhận thấy*: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên không thỏa thuận được về mức lãi suất và có sự tranh chấp về mức lãi suất nên để giải quyết vụ án đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự cần áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 476 BLDS 2005.

Do vậy vợ chồng bà C yêu cầu được tính lại lãi suất của số tiền gốc là 100.000.000đ tính từ ngày vay 28/10/2011 đến ngày 28/6/2012 theo quy định của pháp luật được lãi suất bao nhiêu trừ vào số tiền lãi 24.000.000đ vợ chồng bà C đã trả trước đó cho vợ chồng ông Q, còn lại được trừ vào tiền gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Còn vợ chồng ông Q không chấp nhận tính lại mức lãi suất là không có căn cứ, cụ thể số tiền lãi tính từ ngày 28/10/2011 đến ngày 28/6/2012 với mức lãi suất 1,125%/tháng của số tiền gốc 100.000.000đ như sau:

$$100.000.000đ \times 1,125\%/tháng \times 8 \text{ tháng} = 9.000.000đ$$

Số tiền lãi này được trừ vào số tiền 24.000.000đ vợ chồng bà C đã trả cho vợ chồng ông Q trước đó, cụ thể: 24.000.000đ - 9.000.000đ = 15.000.000đ, số tiền 15.000.000đ này xác nhận là số tiền gốc vợ chồng bà C đã trả cho vợ chồng ông Q và được trừ vào số tiền gốc 100.000.000đ vợ chồng bà C nợ vợ chồng ông Q cụ thể: 100.000.000đ - 15.000.000đ = 85.000.000đ và buộc vợ chồng bà C phải trả lãi suất cho vợ chồng ông Q của số tiền gốc còn lại là 85.000.000đ tính từ ngày 29/06/2012 đến ngày 22/12/2012, số tiền này được áp dụng lãi suất 1,125%/tháng, cụ thể: 85.000.000đ x 1,125%/tháng x 5 tháng 23 ngày = 5.514.375đ.

Trong quá trình vợ chồng bà C nợ vợ chồng ông Q số tiền gốc 85.000.000đ, đến ngày 22/12/2012 vợ chồng bà C trả cho vợ chồng ông Q được 50.000.000đ tiền gốc, do vậy số tiền gốc vợ chồng bà C còn nợ lại vợ chồng ông Q là: 85.000.000đ - 50.000.000đ = 35.000.000đ. Nay buộc vợ chồng bà C phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông Q số tiền gốc còn lại là 35.000.000đ và lãi suất của số tiền này tính từ ngày 23/12/2012 đến ngày 07/02/2018 với mức lãi suất 1,125%/tháng, cụ thể số tiền lãi là: 35.000.000đ x 1,125%/tháng x 61 tháng 13 ngày = 24.189.375đ. Do vợ chồng bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc, lãi suất cho vợ chồng ông Q, nay cần buộc vợ chồng bà C phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông Q số tiền gốc là 35.000.000đ và tổng số tiền lãi 24.189.375đ + 5.514.375đ = 29.703.750đ.

[4] *Về án phí*: Vợ chồng ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Tạ Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; 474; 476; 477 BLDS năm 2005, khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Buộc ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Tạ Văn Q tổng số tiền gốc và lãi suất là 64.703.750đ (Sáu mươi tư triệu bảy trăm linh ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được THA có đơn đề nghị THA cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật THA dân sự thì người được THA dân sự, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và điều 9 Luật THA dân sự thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THA dân sự.

2/ Án phí: Ông Vũ Trí N, bà Lê Thị C phải chịu 3.235.100đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Tạ Văn Q số tiền 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại chi cục thi hành án huyện L ngày 26/10/2017 theo biên lai thu số AA/2017/0002793.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh ;
- VKSND Tỉnh , Huyện;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ . VP./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toàn

